TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 95 /2023/KDTM-ST

Ngày: 29/06/2023

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Quỳnh Hoa

Ông Nguyễn Bảo Lâm

-*Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thu Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Bà Nguyễn Thị Gấm - KSV

Ngày 29/06/2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 41/2023/TLST-KDTM ngày 12/04/2023 về tranh chấp "Hợp đồng mua bán hàng hóa" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 214/2023/QĐST-KDTM ngày 01/6/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần S

Trụ sở: Lô 6 đường E , khu Công nghiệp T, phường T, quận B, Tp .

Người đại diện hợp pháp: Ông Hà Xuân N – là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 01 ngày 01/12/2022) (Có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Công ty TNHH Một thành viên T

Trụ sở: 437/14 H, phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp: Bà Trần Thị Thùy N1 – là đại diện theo pháp luật (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ, nguyên đơn có ông Hà Xuân N là đại diện hợp pháp trình bày: Công ty cổ phần S và Công ty TNHH Một thành viên T đã ký kết Hợp đồng kinh tế số 021411/SMC/PKD/HĐ/2019 ngày 14/11/2019, theo Hợp đồng Công ty cổ phần S cung cấp cho Công ty TNHH Một thành viên T bê tông trộn sẵn, địa điểm công trình: Xưởng sản xuất thực phẩm và Kho lạnh – khu công nghiệp Tân Tạo, phường T, quận B, thành phố Hồ Chí Minh, giá trị hợp đồng theo khối lượng bê tông cung cấp thực tế, căn cứ theo khối lượng và chủng loại bê tông giao nhận thực tế của mỗi đơn hàng Công ty TNHH Một thành viên T thanh toán 100% giá trị cho Công ty cổ phần S trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cấp bê tông.

Thực hiện hợp đồng: Từ ngày 18/11/2019 đến ngày 26/09/2020 Công ty cổ phần S đã cung cấp cho Công ty TNHH Một thành viên T bê tông trộn sẵn với tổng giá trị là 3.502.931.000 đ; từ ngày 03/1/2020 đến ngày 08/10/2022, Công ty TNHH Một thành viên T đã thanh toán cho Công ty cổ phần S tổng số tiền 3.102.118.500 đ, Công ty TNHH Một thành viên T còn nợ số tiền là 400.812.500 đ.

Nay Công ty cổ phần S yêu cầu: Công ty TNHH Một thành viên T phải trả ngay cho Công ty cổ phần S số tiền còn nợ là 400.812.500 đ, đồng thời phải trả lãi trên số tiền chậm trả: Từ ngày 27/10/2020 đến ngày 03/11/2020 theo lãi suất cơ bản 9%/năm (0,0246%/ ngày) là 690.199 đ , từ ngày 04/11/2020 đến ngày trả hết nợ theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán là 13,5%/ năm (0,0369%/ngày) tạm tính đến ngày 29/6/2023 là 142.279.619 đ, tổng lãi chậm trả là 690.199 đ + 142.279.619 đ = 142.969.818 đ.

Bị đơn có bà Trần Thị Thùy N1 là đại diện hợp pháp trình bày: Công ty TNHH Một thành viên T có nợ Công ty cổ phần S số tiền 400.812.500 đ, Công ty TNHH Một thành viên T sẽ trả số tiền trên cho nguyên đơn trong thời hạn từ tháng 5/2023 đến tháng 12/2023, Công ty TNHH Một thành viên T đề nghị nguyên đơn không tính lãi.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có ông Hà Xuân N là đại diện hợp pháp có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ ý kiến như đã trình bày trên. Bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục, Tòa án đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật. Về phần nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu,chứng cứ có trong hồ sơ vụ án,được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Một thành viên T có địa chỉ 437/14 H, phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh trả tiền theo hợp đồng đã ký giữa hai bên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình

theo qui định tại Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu Công ty TNHH Một thành viên T thanh toán số tiền còn nợ là 400.812.500 đ và tiền lãi, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Công ty cổ phần S và Công ty TNHH Một thành viên T đã ký kết Hợp đồng kinh tế số 021411/SMC/PKD/HĐ/2019 ngày 14/11/2019, tại bản tự khai và biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ bà Trần Thị Thùy N1 là đại diện theo pháp luật của bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền là 400.812.500 đ theo hợp đồng trên, yêu cầu của nguyên đơn về việc bị đơn trả tiền nợ gốc là có cơ sở.

Tại khoản 2 Điều III của Hợp đồng kinh tế số 021411/SMC/PKD/HĐ/2019 ngày 14/11/2019 quy định " *Nếu bên A chậm thanh toán so với quy định trên, bên A sẽ thanh toán thêm cho bên B khoản phạt chậm trả theo lãi suất vay của Ngân hàng (Ngân hàng theo tài khoản của bên B) trên tổng số tiền chậm trả và thời gian chậm trả không được quá 07 (bảy) ngày*", ngày cung cấp bê tông sau cùng là ngày 26/09/2020 (theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0025422 ngày 26/09/2020), do đó nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất từ ngày 27/10/2020 đến ngày 03/11/2020 theo lãi suất cơ bản 9%/năm (0,0246%/ngày) là 400.812.500 đ x 0,0246%/ngày x 7 ngày = 690.199 đ là có cơ sở. Tại thời điểm hiện tại mức lãi suất nợ quá hạn của Ngân hàng Vietcombank là 10,2/%/ năm x 150% = 15,3%/ năm, ngân hàng TMCP Đông Á là 11,8%/năm x 150% = 17,7%,/ năm, ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn là 11/%/ năm x 150% = 16,5%/ năm, mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của 3 ngân hàng là 15,3%/ năm + 17,7%/ năm + 16,5%/ năm = 16,5%/ năm. Nay nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất từ ngày 04/11/2020 đến nay theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán là 13,5 %/ năm (0,0369%/ngày) là phù hợp, như vậy tiền lãi từ ngày 04/11/2020 đến 29/6/2023 là: 400.812.500 đ x 0,0369%/ngày x 962 ngày = 142.279.619 đ, tổng tiền lãi nguyên đơn yêu cầu là: 690.199 đ + 142.279.619 đ = 142.969.818 đ là có cơ sở chấp nhận.

Về án phí: Công ty TNHH Một thành viên T phải nộp án phí sơ thẩm là 25.751.293 đ (Hai mươi lăm triệu bảy trăm năm mươi mốt ngàn hai trăm chín mươi ba đồng).

Hoàn lại cho Công ty cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.461.190 đ (Mười hai triệu bốn trăm sáu mươi mốt ngàn một trăm chín mươi đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009053 ngày 04/04/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 , Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014);

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu của Công ty cổ phần S .

Công ty TNHH Một thành viên T có trách nhiệm trả cho Công ty cổ phần S số tiền còn nợ theo Hợp đồng kinh tế số 021411/SMC/PKD/HĐ/2019 ngày 14/11/2019 giữa Công ty cổ phần S và Công ty TNHH Một thành viên T là 400.812.500 đ + 142.969.818 = 543.782.318 đ (Năm trăm bốn mươi ba triệu bảy trăm tám mươi hai ngàn ba trăm mười tám đồng).

Thời hạn trả: Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2, Về án phí: Công ty TNHH Một thành viên T phải nộp án phí sơ thẩm là 25.751.293 đ (Hai mươi lăm triệu bảy trăm năm mươi mốt ngàn hai trăm chín mươi ba đồng).

Hoàn lại cho Công ty cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.461.190đ (Mười hai triệu bốn trăm sáu mươi mốt ngàn một trăm chín mươi đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009053 ngày 04/04/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Trường hợp bản án,quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án,quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án .

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

đã ký

Nguyễn Thị Hồng Vân

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND Q. TB;
- THADS Q. TB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.